

Số: 74/2019/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2017/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Bích N, sinh năm 1981.

HKTT: Thôn NL, xã NT, huyện AT, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ liên hệ: Số PK, đường ĐĐ, phường LL, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979.

HKTT: Thôn T, xã DS, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Phòng NMK, khu đô thị DN, phường DN, quận H, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966 và ông Nguyễn Trọng C1, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: NT, xã DS, huyện M, tỉnh Hưng Yên

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng C ủy quyền cho ông Nguyễn Khắc A, địa chỉ: Thôn AC2, xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/12/2017).

- Cháu Nguyễn Vũ Phương A, sinh ngày 08/11/2005

- Nguyễn Vũ Duy A2, sinh ngày 15/9/2007

Cùng địa chỉ: Số PK, đường ĐĐ, phường LL, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/6/2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Bích N và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Bích N và anh Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn.

Về con chung: Các đương sự thoả thuận giao cháu Nguyễn Vũ Phương A, sinh ngày 08/11/2005 và Nguyễn Vũ Duy A2, sinh ngày 15/9/2007 cho chị Vũ Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn C đóng góp tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 đồng một tháng, thời hạn đóng góp tính từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Vũ Thị Bích N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Chị Vũ Thị Bích N và anh Nguyễn Văn C còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng C1 số tiền 1.300.000.000đ (*Một tỉ ba trăm triệu đồng*). Chị N và anh C mỗi người có trách nhiệm trả vợ chồng bà H, ông C1 số tiền 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày chị N có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, bà H và ông C1 có đơn đề nghị thi hành án thi hành khoản tiền phải trả, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh C không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh C không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Vũ Thị Bích N tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 16.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cộng bằng 16.400.000đ (*Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng*) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002851 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, chị N còn phải nộp 16.100.000đ (*Mười sáu triệu một trăm ngàn đồng*) án phí.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 150.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con và phải chịu 16.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cộng bằng 16.400.000đ (*Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng*) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp là 12.975.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002919 ngày 21/9/2017 và 522.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000037 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, anh C còn phải nộp 2.903.000đ (*Hai triệu chín trăm linh ba ngàn đồng*) án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Tp H;
- Chi cục THADS Tp H;
- Các đương sự;
- UBND xã DS, huyện M, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý